TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH Đ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **188**/2022/HS-ST
Ngày 10 - 5 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B-TỈNH Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đậu Thị Mỹ Long - Nơi công tác: Hiệu trưởng Trường tiểu học An Hòa, thành phố B.

Ông Nguyễn Minh Hiếu - Nơi công tác: Bí thư Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, thành phố B.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đ tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đình Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 11/2022/TLST-HS ngày 11 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2022/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 02 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 211/2022/HSST-QĐ ngày 22 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 411/2022/HSST-QĐ ngày 20 tháng 4 năm 2022 đối với các bị cáo:

1/ Họ và tên: **Bùi Đình N,** sinh ngày 02/6/2004, tại L3 (có mặt).

Nơi cư trú: 118/9/38, tổ 35E, khu phố 11, phường Tân Phong, thành phố B, tỉnh Đ; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 8/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; con ông Bùi Xuân Q, sinh năm 1983 (đã chết) và bà Trương Thị P, sinh năm 1981; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 197/TA-LCĐKNCT ngày 22/02/2022 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ.

2/ Họ và tên: **Võ Hoàng D**, sinh ngày 10/9/2000, tại Đ (có mặt).

Nơi cư trú: 913B, tổ 9, khu phố 8A, phường Long B1, thành phố B, tỉnh Đ; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; con ông Võ Văn T1, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Hồng C, sinh năm 1972; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không.

Đầu thú và bị tạm giữ từ ngày 14/10/2021. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B.

3/ Họ và tên: **Nguyễn Trọng B1** (tên gọi khác **L**), sinh ngày 11/9/2003, tại Đ (có mặt).

Nơi cư trú: 13/2, tổ 23, khu phố 4, phường Bửu Long, thành phố B, tỉnh Đ; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 7/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1970; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 196/TA-LCĐKNCT ngày 22/02/2022 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ.

4/ Họ và tên: **Nguyễn Thanh T**, sinh ngày 15/8/2003, tại Đ (có mặt).

Nơi cư trú: A4/456, khu phố 4, phường Tân Vạn, thành phố B, tỉnh Đ; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Thành Tr, sinh năm 1967 và bà Trần Thị Kiều Ng, sinh năm 1969; chưa có vợ, con; tiền án: không.

Tiền sự: Ngày 28/8/2020, Nguyễn Thanh T bị Công an thành phố B xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.250.000đồng (một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) về hành vi Cố ý gây thương tích xảy ra ngày 24/4/2020 tại khu phố Vườn Dừa, phường Phước Tân, thành phố B. Nguyễn Thanh T chưa đóng phạt số tiền trên.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 198/TA-LCĐKNCT ngày 22/02/2022 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ.

5/ Họ và tên: **Nguyễn Ngọc Qu** (tên gọi khác: **B2**), sinh ngày 12/9/2002, tại Đ (có mặt).

Nơi cư trú: K4/127, khu phố 5, phường Bửu Hòa, thành phố B, tỉnh Đ; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 6/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1962 và bà Phạm Thị G, sinh năm 1962; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không.

Bị bắt tạm giữ ngày 05/5/2021 đến ngày 14/5/2021. Hiện đang bị áp dụng theo Lệnh Cấm đi khỏi nơi cư trú số: 199/TA-LCĐKNCT ngày 22/02/2022 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ.

6/ Họ và tên: **Lê Đào Trường D1**, sinh ngày 05/01/2004, tại Đ (có mặt).

Nơi cư trú: 70/5, khu phố 2, phường An B1, thành phố B, tỉnh Đ; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; con ông Lê Minh V, sinh năm 1979 và bà Đào Thị Thùy D2, sinh năm 1980; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 07/02/2020, D1 thực hiện hành vi gây rối trật tự công cộng. Ngày 06/8/2020, Lê Đào Trường D1 bị Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ, xử phạt 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách là 02 năm tính từ ngày tuyên án về tội "Gây rối trật tự công cộng" theo quy định tại khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự.

Bị bắt tạm giam từ ngày 07/6/2021 đến ngày 05/8/2021. Hiện đang bị áp dụng lệnh Cấm đi khỏi nơi cư trú số: 200/TA-LCĐKNCT ngày 22/02/2022 của Tòa án nhân dân thành phố B.

7/ Họ và tên: **Nguyễn Hoàng T2**, sinh ngày 03/12/2004, tại T3 (có mặt).

Nơi cư trú: 148/13/11A, tổ 50, khu phố 11A, phường Tân Phong, thành phố B, tỉnh Đ; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 10/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn T4, sinh năm 1981 (đã chết) và bà Nguyễn Thị L2, sinh năm 1981; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 201/TA-LCĐKNCT ngày 22/02/2022 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ.

8/ Họ và tên: **Đỗ Minh Ch**, sinh ngày 20/8/2003, tại B3 (có mặt).

Nơi cư trú: D37/1/3, khu phố 1, phường Bửu Long, thành phố B, tỉnh Đ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; con ông Đỗ Minh C1, sinh năm 1981 và bà Nguyễn Thị Mỹ Ch1, sinh năm 1968; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 202/TA-LCĐKNCT ngày 22/02/2022 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ.

9/ Họ và tên: **Nguyễn Thành Đ2**, sinh ngày 24/6/2004 tại Đ (có mặt).

Nơi cư trú: 6/4, tổ 10, khu phố 4, phường An Bình, thành phố B, tỉnh Đ; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1968 và bà Hứa Thị T5, sinh năm 1973; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 203/TA-LCĐKNCT ngày 22/02/2022 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ.

10/ Họ và tên: **Nguyễn Thành Tr1**, sinh ngày 18/8/2003, tại Đ (có mặt).

Nơi cư trú: 94/1, khu phố 1, phường An Binhg, thành phố B; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Thiên chúa; con ông Nguyễn Trung M, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1970; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không.

Bị bắt tạm giữ theo quyết định truy nã ngày 17/10/2021. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B.

- *Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Bùi Đình N*:

Ông **Bùi Xuân Q**, sinh năm 1983 (đã chết)

Bà **Trương Thị P**, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Nơi cư trú: 118/9/38, tổ 35E, khu phố 11, phường Tân Phong, thành phố B, tỉnh Đ.

- *Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Hoàng T2*:

Ông **Nguyễn Văn T4**, sinh năm 1981 (đã chết)

Bà **Nguyễn Thị L2**, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Nơi cư trú: 148/13/11A, tổ 50, khu phố 11A, phường Tân Phong, thành phố B, tỉnh Đ.

- *Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Thành Đ2*:

Ông **Nguyễn Văn Th**, sinh năm: 1968 (vắng mặt).

Bà **Hứa Thị T5**, sinh năm 1973 (vắng mặt).

Nơi cư trú: 6/4, tổ 10, khu phố 4, phường An Bình, thành phố B, tỉnh Đ.

- *Người bào chữa cho các bị cáo*: *Bùi Đình N, Nguyễn Hoàng T2, Nguyễn Thành Đ2*.

Bà **Đàm Thị Thu P**, sinh năm 1986 (có mặt) - Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lê Phương Nam, Đoàn luật sư tỉnh Đ.

Địa chỉ: Số 20, đường Nguyễn Du, khu phố 4, phường Quang Vinh, thành phố B, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 04/4/2021, Lê Anh T5 (chưa rõ nhân thân, lai lịch) dùng dao chém Nguyễn Hoàng T2 gây thương tích ở tay. Sau đó, Trần Quốc Đ3, sinh năm 2007, Hộ khẩu thường trú: tổ 17, khu phố 5A, phường Trảng Dài, thành phố B, tỉnh Đ là bạn chơi trong nhóm của T5 bị một nhóm thanh niên (không rõ nhân thân, lai lịch) đuổi đánh. Đ3 cho rằng người trong nhóm của Bùi Đình N và Nguyễn Hoàng T2 đuổi đánh Đ3 để trả thù cho T2, nên Đ3 nhắn tin qua mạng Messenger cho N hẹn đánh nhau với nhóm của N. Vào tối ngày 04/5/2021, tại cổng hồ bơi Phương Nam thuộc khu phố 2, phường Trảng Dài, thành phố B, tỉnh Đ nhóm của N gồm khoảng 20 người mang theo dao tự chế, giáo phóng lợn đánh nhau với khoảng 20 người nhóm của Đ3 (nhưng không ai bị thương tích gì) sau đó cả hai nhóm bỏ về.

Sau đó, Đ3 tiếp tục nhắn tin cho N khiêu khích và hẹn đánh nhau với nhóm của N vào lúc 02 giờ 00 ngày 05/5/2021 tại khu vực gần hồ bơi Phương Nam, thuộc khu phố 2, phường Trảng Dài, thành phố B, tỉnh Đ. Sau khi hẹn thời gian địa điểm đánh nhau, N kể cho Nguyễn Hoàng T2 nghe việc hẹn đánh nhau với nhóm của Đ3 và rủ T2 tham gia đánh nhóm của Đ3 thì T2 đồng ý. Sau đó N nhắn tin và gọi điện rủ Nguyễn Trọng B1, Võ Hoàng D, Huỳnh Thanh T2 (T2 Tủn), Nguyễn Thanh T và các đối tượng tên Nguyễn Quốc C1, C2, Q1, B3, K (chưa rõ nhân thân, lai lịch) tham gia đánh nhóm của Đ3 và nhờ rủ thêm người tham gia đánh nhóm Đ3 thì tất cả đồng ý. Sau đó, B1 rủ thêm Đỗ Minh Ch; D rủ thêm Nguyễn Thành Đ2, Nguyễn Thành Tr1, Lê Đào Trường D1; T rủ thêm Nguyễn Ngọc Qu thì tất cả những người được rủ thêm đồng ý tham gia.

Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 05/5/2021, cả nhóm tập hợp tại bãi đất trống, gần khu vực cây xăng 26 thuộc khu phố 3, phường Trảng Dài, thành phố B, tỉnh Đ. B1 mang theo 01 cây dao tự chế dài khoảng 90cm; N mang đến 04 cây giáo phóng lợn dài khoảng 1,5m; các đối tượng trong nhóm (không rõ nhân thân, lai lịch) mang đến 02 (hai) cây giáo phóng lợn dài khoảng 2,2m; 01 cây kiếm dài khoảng 85cm cán kiếm có quấn dây vải màu đen; 01 cây kiếm dài khoảng 90cm cán cuốn dây vải trắng; 01 cây dao tự chế dài khoảng 1,3m; 01 cây dao tự chế dài khoảng 1,5m và nhiều loại hung khí khác. Tại đây, N phân phát 04 cây giáo N

mang theo cho 04 người trong nhóm (không rõ nhân thân, lai lịch). Sau khi đưa hung khí cho người trong nhóm, N nhặt 02 viên gạch ống làm hung khí đánh nhau. Lúc này N được được 01 người trong nhóm (chưa rõ nhân thân, lai lịch) đưa cho 01 cây kiếm dài khoảng 90cm cán quấn vải màu trắng, rồi N đưa cây kiếm nêu trên cho D. Sau đó cả nhóm chở nhau bằng xe mô tô đi vào khu hồ bơi Phương Nam thuộc khu phố 2, phường Trảng Dài, thành phố B, tỉnh Đ để tìm đánh nhóm của Đ3. Cụ thể:

- Nguyễn Hoàng T2 điều khiển xe mô tô (không rõ biển số) chở Bùi Đình N ngồi sau cầm 02 viên gạch ống.

- Nguyễn Ngọc Qu điều khiển xe gắn máy biển số 50K-6856 chở Nguyễn Thanh T ngồi sau.

- Đỗ Minh Ch điều khiển xe 60T8-7949 chở Nguyễn Trọng B1 cầm theo dao tự chế dài khoảng 90cm.

- Nguyễn Thành Tr1 điều khiển xe mô tô biển số 60F2-388.23 chở Nguyễn Thành Đ2 ngồi sau.

- Lê Đào Trường D1 điều khiển xe mô tô biển số 60F2-812.24 chở Võ Hoàng D cầm theo kiếm tự chế dài 90cm cán quấn vải màu trắng.

Các đối tượng Nguyễn Quốc C1, Huỳnh Thanh T2, C2, B3, K (chưa rõ nhân thân, lai lịch) và khoảng 10 đối tượng (không rõ nhân thân, lai lịch) điều khiển xe mô tô mang theo 02 giáo phóng lợn dài khoảng 2,2m; 04 cây giáo phóng lợn dài khoảng 1,5m, 01 cây kiếm dài khoảng 85cm cán kiếm có quấn dây vải màu đen; 01 cây dao tự chế dài khoảng 1,3m; 01 cây dao tự chế dài khoảng 1,5m và nhiều loại hung khí khác.

Khoảng 02 giờ 30 phút cùng ngày, khi cả nhóm N đến địa điểm đã hẹn tại cổng hồ bơi Phương Nam thuộc khu phố 2, phường Trảng Dài, thành phố B, tỉnh Đ nhưng không gặp nhóm của Đ3, nên cả nhóm hô hào tiếp tục đi tìm đánh nhóm của Đ3. Khi cả nhóm N đi đến vòng xoay Nguyễn Khuyến thuộc tổ 2, khu phố 5, phường Trảng Dài thì bị tổ tuần tra Công an phường Trảng Dài, thành phố B, tỉnh Đ phát hiện nên tất cả bỏ chạy. Tổ tuần tra đuổi theo bắt được T, Qu, D, Đ2, Tr1, D1, B1, Ch đưa về làm việc, thu giữ được 02 cây giáo phóng lợn, 03 dao tự chế, 02 kiếm, còn N, T2 chạy thoát. Sau đó, N và T2 đến Công an thành phố B, tỉnh Đ trình diện. Quá trình tại ngoại để điều tra Võ Hoàng D và Nguyễn Thành Tr1 bỏ trốn đến ngày 17/10/2021, Tr1 bị bắt theo Quyết định truy nã. Ngày 14/10/2021, D ra đầu thú.

Quá trình điều tra, Bùi Đình N, Nguyễn Ngọc Qu, Nguyễn Trọng B1, Đỗ Minh Ch, Nguyễn Thành Đ2, Nguyễn Hoàng T2, Nguyễn Thanh T, Lê Đào Trường D1, Nguyễn Thành Tr1, Võ Hoàng D khai nhận hành vi phạm tội như trên.

- Vật chứng:

+ 02 (Hai) cây dao phóng lợn (lưỡi dao bầu dài khoảng 25cm gắn cán bằng ống tuýp dài 220cm).

+ 01 (Một) cây kiếm dài 85cm, cán cuốn dây vải màu đen.

+ 01 (Một) cây kiếm dài 90cm cán cuốn vải màu trắng.

+ 01 (Một) con dao tự chế bằng kim loại dài 90cm;

+ 01 (một) con dao tự chế dài khoảng 1,3m.

+ 01 (Một) con dao tự chế dài khoảng 1,5m.

+ Đối với các hung khí gồm: 04 (Bốn) cây giáo phóng lợn (lưỡi dao bầu dài khoảng 25cm gắn cán bằng ống tuýp sắt dài 1,5m); 02 viên gạch ống các đối tượng đã vứt bỏ nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

- Các đồ vật, tài sản Cơ quan điều tra Công an thành phố B đã thu giữ và trả lại cho chủ sở hữu gồm:

+ 01 điện thoại hiệu Iphone XS số Imel: 356171093354479 thu giữ của Bùi Đình N là của anh Lê Nguyễn Thanh H1 (là bạn cùng xóm trọ với N) cho N mượn chơi game. Anh H1 không biết N sử dụng điện thoại vào việc phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả cho anh H1.

+ 01 xe mô tô hiệu Honda biển số 60F3-704.87 thu giữ của Bùi Đình N là của ông Bùi Đình T6 (ông nội của N), ông T6 để xe ở nhà N tự ý lấy xe sử dụng. Ông T6 không biết N sử dụng xe vào việc phạm tội Cơ quan điều tra đã trả cho ông Bùi Đình T6.

+ 01 điện thoại di động hiệu Oppo, số Imel 1: 866531046077837, số Imel 2:866531046077829 thu giữ của Nguyễn Ngọc Qu là của chị Nguyễn Thúy H2 (chị gái của Qu) cho Qu mượn sử dụng liên lạc. Chị H2 không biết Qu sử dụng vào việc phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả cho chị H2.

+ 01 xe mô tô hiệu Yamaha Nouvo màu đen biển số 60T8-7949 và 01 điện thoại di động hiệu Oppo Reno 2 màu xanh thu giữ của Đỗ Minh Ch là của chị Đỗ Thị Mỹ Ch1 (mẹ của Ch) cho Ch mượn sử dụng. Chị Ch1 không biết Ch sử dụng vào việc phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả cho chị Ch1.

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 số Imel 3520910780939 của Nguyễn Thành Đ2 không sử dụng vào việc phạm tội. Cơ quan điều tra đã trả lại cho Đ2.

+ 01 điện thoại di động hiệu Hua Wei màu vàng số Imeil: 863547032033496 của Nguyễn Hoàng T2 không sử dụng vào việc phạm tội. Cơ quan điều tra đã trả lại cho Nguyễn Hoàng T2.

+ 01 xe gắn máy biển số 50K- 6856 màu đen thu giữ của Nguyễn Thanh T là xe của anh Tô Ngọc S. Anh S cho T mượn sử dụng đi lại, anh S không biết T sử dụng xe vào việc phạm tội. Cơ quan điều tra đã trả cho anh S.

+ 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu xanh, số Imeil: 869604032471871 thu giữ của Nguyễn Thanh T là điện thoại của anh Nguyễn Thành Ch cho T mượn để liên lạc, anh Ch không biết T sử dụng điện thoại vào việc phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả cho anh Ch.

+ 01 xe mô tô hiệu Honda màu trắng đen biển số 60F3-812.24 thu giữ của Lê Đào Trường D1 là của chị Võ Thị Hồng H3. Chị H3 để xe ở nhà Mai Võ Minh Nh (con trai chị H3) đã tự ý lấy cho D1 mượn. Chị H3 và Nh không biết D1 sử dụng xe vào việc phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả cho chị H3.

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone 8 plus, số Imeil: 352077094156943 của Lê Đào Trường D1 không sử dụng vào việc phạm tội Cơ quan điều tra đã trả lại cho Duy.

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7, do Võ Hoàng D sử dụng liên lạc rủ đồng bọn đi đánh nhau. Quá trình điều tra làm rõ là tài sản của bà Nguyễn Hồng C (mẹ của D) cho D mượn sử dụng và không biết D sử dụng vào việc phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà C.

+ 01 xe mô tô hiệu Honda màu đỏ đen, biển số 60F2-388.23 thu giữ của Nguyễn Thành Tr1 là xe của chị Nguyễn Thị Thùy D3 gửi tại nhà của Tr1, Tr1 tự ý lấy đi, chị D3 không biết Tr1 sử dụng xe vào việc phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả cho chị Nguyễn Thị Thùy D3.

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 thu giữ của Nguyễn Thành Tr1 không sử dụng vào việc phạm tội.

Tại bản kết luận giám định số: 2698/C09B ngày 13/5/2021 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận: 02 (Hai) cây dao phóng lợn (lưỡi dao bầu dài khoảng 25cm gắn cán bằng ống tuýp dài 220cm); 01 (Một) con dao tự chế bằng kim loại dài 90cm; 01 (Một) cây kiếm dài 85cm, cán cuốn dây vải màu đen; 01 (Một) cây kiếm dài 90cm cán cuốn vải màu trắng; 01 (một) con dao tự chế dài khoảng 1,3m; 01 (Một) con dao tự chế dài khoảng 1,5m thu giữ gửi đến giám định: Khi tác động vào cơ thể người nếu gây thương tích là hung khí nguy hiểm.

Quá trình điều tra, Trần Quốc Đ3, Bùi Hồng Gi, Nguyễn Hoàng N1 khai: Sau khi xảy ra xô xát giữa nhóm của N và nhóm của Đ3 vào lúc 02 giờ 00 ngày 04/5/2021. Đ3 tiếp tục nhắn tin hẹn và thách thức đánh nhau với nhóm N vào lúc 02 giờ 00 ngày 05/5/2021. Tuy nhiên vào khoảng 19 giờ 30 phút ngày 04/5/2021, khi nhóm của Đ3 tụ tập bàn bạc thì cả nhóm không đồng ý nên không đến địa điểm tham gia đánh nhau.

Bản cáo trạng số: 39/CT-VKSBH ngày 06/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đ truy tố bị cáo Bùi Đình N, Võ Hoàng D, Nguyễn Trọng B1, Nguyễn Thanh T, Lê Đào Trường D1, Nguyễn Ngọc Qu, Nguyễn Hoàng T2, Đỗ Minh Ch, Nguyễn Thành Đ2, Nguyễn Thành Tr1 về tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại khoản 6 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị Tòa án nhân dân thành phố B tuyên:

+ Tịch thu tiêu hủy: 02 (Hai) cây dao phóng lợn (lưỡi dao bầu dài khoảng 25cm gắn cán bằng ống tuýp dài 220cm); 01 (Một) con dao tự chế bằng kim loại dài 90cm; 01 (Một) cây kiếm dài 85cm, cán cuốn dây vải màu đen. 01 (Một) cây kiếm dài 90cm cán cuốn vải màu trắng; 01 (một) con dao tự chế dài khoảng 1,3m; 01 (Một) con dao tự chế dài khoảng 1,5m.

+ Trả lại 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 cho Nguyễn Thành Tr1 do không liên quan đến hành vi phạm tội.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đ trình bày lời luận tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 6 Điều 134; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58, Điều 100 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Bùi Đình N từ 10 (mười) tháng đến 14 (mười bốn) tháng cải tạo không giam giữ.

Áp dụng khoản 6 Điều 134; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58, Điều 100 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng B1 từ 06 (sáu) tháng đến 10 (mười) tháng cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T từ 06 (sáu) tháng đến 10 (mười) tháng cải tạo không giam giữ.

Áp dụng khoản 6 Điều 134; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Võ Hoàng D bằng thời hạn tạm giam đến 08 (tám) tháng tù.

Áp dụng khoản 6 Điều 134; Điều 36; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Qu từ 10 (mười) tháng đến 14 (mười bốn) tháng cải tạo không giam giữ.

Áp dụng khoản 6 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58, Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Lê Đào Trường D1 từ 04 (bốn) tháng tù đến 06 (sáu) tháng tù.

Và tổng hợp hình phạt 01 (một) năm tù về tội "Gây rối trật tự công cộng" của Bản án số: 409/2020/HSST ngày 06/8/2020.

Áp dụng khoản 6 Điều 134; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58, Điều 100 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng T2 từ 04 (bốn) tháng đến 08 (tám) tháng cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Đỗ Minh Ch từ 04 (bốn) tháng đến 08 (tám) tháng cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành Đ2 từ 04 (bốn) tháng đến 08 (tám) tháng cải tạo không giam giữ.

Áp dụng khoản 6 Điều 134; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành Tr1 bằng thời hạn tạm giam đến 08 (tám) tháng tù.

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị Tòa án nhân dân thành phố B tuyên:

+ Tịch thu tiêu hủy: 02 (Hai) cây dao phóng lợn (lưỡi dao bầu dài khoảng 25cm gắn cán bằng ống tuýp dài 220cm); 01 (Một) con dao tự chế bằng kim loại dài 90cm; 01 (Một) cây kiếm dài 85cm, cán cuốn dây vải màu đen; 01 (Một) cây kiếm dài 90cm cán cuốn vải màu trắng; 01 (một) con dao tự chế dài khoảng 1,3m; 01 (Một) con dao tự chế dài khoảng 1,5m.

+ Trả lại 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 cho Nguyễn Thành Tr1 do không liên quan đến hành vi phạm tội.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

- Lời bào chữa của người bào chữa cho các bị cáo Bùi Đình N, Nguyễn Hoàng T2, Nguyễn Thành Đ2:

Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố là hoàn T5 phù hợp hành vi phạm tội, đúng người, đúng tội.

Hoàn cảnh các bị cáo Bùi Đình N, Nguyễn Hoàng T2, Nguyễn Thành Đ2 rất đặc biệt, bị cáo N và bị cáo T2 cha chết. Hành vi của các bị cáo là vi phạm pháp luật. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo Đ2 và bị cáo T2 phạm tội lần đầu và thuộc trường

hợp ít nghiêm trọng; sự nhận thức trình độ pháp luật còn hạn chế, nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự. Các bị cáo Bùi Đình N, Nguyễn Thành Đ2, Nguyễn Hoàng T2 khi phạm tội là người dưới 18 tuổi quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65, Nghị quyết số: 02/2018/HĐTP ngày 15/5/2018, đề nghị cho các bị cáo Bùi Đình N, Nguyễn Thành Đ2, Nguyễn Hoàng T2 mức án thấp nhất của khung hình phạt.

- Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 23/02/2022 Văn phòng Thừa phát lại B đã tiến hành thủ tục niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho ông Nguyễn Văn Th và bà Hứa Thị T5 là người đại diện hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Thành Đ2. Ngày 24/02/2022 Văn phòng Thừa phát lại B đã tiến hành thủ tục tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bà Nguyễn Thị L2 là người đại diện hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Hoàng T2. Ngày 25/02/2022 Văn phòng Thừa phát lại B đã tiến hành thủ tục tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho cho bà Trương Thị P là người đại diện hợp pháp cho bị cáo Bùi Đình N.

Ngày 24/3/2022 Văn phòng Thừa phát lại B đã tiến hành thủ tục tống đạt quyết định hoãn phiên tòa cho bà Nguyễn Thị L2 là người đại diện hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Hoàng T2 (do bà Trịnh Thị Th1 là mẹ chồng ký nhận). Ngày 24/3/2022 Văn phòng Thừa phát lại B đã tiến hành thủ tục tống đạt quyết định hoãn phiên tòa cho bà Trương Thị P (ông Bùi Đình T6 là cha chồng nhận thay). Ngày 28/3/2022 Văn phòng Thừa phát lại B đã tiến hành thủ tục tống đạt quyết định hoãn phiên tòa cho ông Nguyễn Văn Th và bà Hứa Thị T5 là người đại diện hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Thành Đ2.

Ngày 20/4/2022 Tòa án nhân dân thành phố B đã tiến hành thủ tục niêm yết quyết định hoãn phiên tòa cho bà Trương Thị P là người đại diện hợp pháp cho bị cáo Bùi Đình N và ngày 20/4/2022 Tòa án nhân dân thành phố B đã tống đạt trực tiếp quyết định hoãn phiên tòa cho bà Nguyễn Thị L2 là người đại diện hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Hoàng T2.

Ngày 25/4/2022 Văn phòng Thừa phát lại B đã tiến hành thủ tục niêm yết quyết định hoãn phiên tòa cho ông Nguyễn Văn Th và bà Hứa Thị T5 là người đại diện hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Thành Đ2 để tham gia phiên tòa nhưng bà Trương Thị P, bà Nguyễn Thị L2, ông Nguyễn Văn Th và bà Hứa Thị T5 vẫn vắng mặt nên căn cứ Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến

hành xét xử vắng mặt bà Trương Thị P là người đại diện hợp pháp cho bị cáo Bùi Đình N, bà Nguyễn Thị L2 là người đại diện hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Hoàng T2; ông Nguyễn Văn Th và bà Hứa Thị T5 là người đại diện hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Thành Đ2.

[2] Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai của các bị cáo tại giai đoạn điều tra, người làm chứng và các chứng cứ khác có tại hồ sơ, cáo trạng mô tả. Từ đó đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 02 giờ 30 phút ngày 05/5/2021, tại khu vực vòng xoay Nguyễn Khuyến, thuộc tổ 2, khu phố 5, phường Trảng Dài, thành phố B, tỉnh Đ do mâu thuẫn và nhắn tin thách thức đánh nhau với nhóm Trần Quốc Đ3 nên bị cáo Bùi Đình N cùng với các bị cáo Nguyễn Ngọc Qu, Nguyễn Trọng B1, Đỗ Minh Ch, Nguyễn Thành Đ2, Nguyễn Hoàng T2, Nguyễn Thanh T, Lê Đào Trường D1, Võ Hoàng D, Nguyễn Thành Tr1 và Nguyễn Quốc C1, C2, Q1, B3, K cùng khoảng 10 đối tượng (chưa rõ nhân thân, lai lịch) tập hợp lực lượng, chuẩn bị nhiều hung khí gồm: 02 (Hai) cây dao phóng lợn (lưỡi dao bầu dài khoảng 25cm gắn cán bằng ống tuýp dài 220cm); 01 (Một) con dao tự chế bằng kim loại dài 90cm; 01 (Một) cây kiếm dài 85cm, cán cuốn dây vải màu đen; 01 (Một) cây kiếm dài 90cm cán cuốn vải màu trắng; 01 (một) con dao tự chế dài khoảng 1,3m; 01 (Một) con dao tự chế dài khoảng 1,5m; 04 (Bốn) cây giáo phóng lợn (lưỡi dao bầu dài khoảng 25cm gắn cán bằng ống tuýp dài 1,5m); 02 viên gạch ống và nhiều loại hung khí để tham gia đánh nhau nhằm gây thương tích cho nhóm của Đ3 thì bị tổ tuần tra Công an phường Trảng Dài, thành phố B, tỉnh Đ phát hiện chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B xử lý.

Tại bản kết luận giám định số: 2698/C09B ngày 13/5/2021 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận: 02 (Hai) cây dao phóng lợn (lưỡi dao bầu dài khoảng 25cm gắn cán bằng ống tuýp dài 220cm); 01 (Một) con dao tự chế bằng kim loại dài 90cm; 01 (Một) cây kiếm dài 85cm, cán cuốn dây vải màu đen; 01 (Một) cây kiếm dài 90cm cán cuốn vải màu trắng; 01 (một) con dao tự chế dài khoảng 1,3m; 01 (Một) con dao tự chế dài khoảng 1,5m thu giữ gửi đến giám định: Khi tác động vào cơ thể người nếu gây thương tích là hung khí nguy hiểm.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất an ninh trật tự tại địa phương, gây bất B1 trong quần chúng nhân dân. Do đó, cần xử phạt các bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án, bị cáo Bùi Đình N là người chủ mưu, rủ rê đồng bọn, chuẩn bị hung khí tích cực chuẩn bị phạm tội cố ý gây thương tích nên bị cáo Bùi Đình N giữ vai trò đầu vụ.

Đối với các bị cáo Nguyễn Trọng B1, Nguyễn Thanh T, Võ Hoàng D là người rủ rê đồng bọn, chuẩn bị hung khí, chuẩn bị phạm tội cố ý gây thương tích nên vai trò của các bị cáo Nguyễn Trọng B1, Nguyễn Thanh T, Võ Hoàng D thấp hơn bị cáo Bùi Đình N nhưng cao hơn các bị cáo khác.

Các bị cáo Nguyễn Ngọc Qu, Đỗ Minh Ch, Nguyễn Thành Đ2, Nguyễn Hoàng T2, Lê Đào Trường D1, Nguyễn Thành Tr1 là những người chuẩn bị phạm tội cố ý gây thương tích.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có.

[4] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo Nghĩa, Quan, B1, Ch, Đạt, Tùng, Tiền, Tr1, D phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo Võ Hoàng D tự giác ra đầu thú quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Các bị cáo Bùi Đình N, Nguyễn Trọng B1, Đỗ Minh Ch, Nguyễn Thành Đ2, Nguyễn Hoàng T2, Nguyễn Thanh T, Lê Đào Trường D1 và Nguyễn Thành Tr1 khi phạm tội bị cáo là người dưới 18 tuổi quy định tại Điều 91 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Về nhân thân bị cáo Lê Đào Trường D1: Ngày 06/8/2020 Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ xét xử tại bản án số: 409/2020/HSST, xử phạt bị cáo Lê Đào Trường D1 12 (mười hai) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án. Trong thời gian thử thách bị cáo Lê Đào Trường D1 lại tiếp tục phạm tội nên mức hình phạt bị cáo Lê Đào Trường D1 được hưởng án treo trở thành án giam.

[5] Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

+ Tịch thu tiêu hủy: 02 (Hai) cây giáo phóng lợn (lưỡi dao bầu dài khoảng 25cm, gắn cán bằng ống tuýp dài 220cm); 01 (Một) dao tự chế bằng kim loại dài 90cm; 01 (Một) cây kiếm dài 85cm, cán cuốn dây vải màu đen; 01 (Một) cây kiếm dài 90cm cán cuốn dây vải màu trắng; 01 (một) dao tự chế dài khoảng 1,3m; 01 (Một) dao tự chế dài 1,5m.

+ Trả lại 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 (IMEI: 352091078093914) trầy xước cho bị cáo Nguyễn Thành Tr1 do không liên quan đến hành vi phạm tội.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 22/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đ).

[6] Đối với Nguyễn Quốc C1, Huỳnh Thanh T2 (chưa rõ nhân thân, lai lịch), C2, Q1, B3, K và hơn 10 đối tượng (chưa rõ nhân thân, lai lịch) Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B tách ra tiếp tục làm rõ xử lý sau.

[7] Đối với hành vi của Lê Anh T5 dùng dao gây thương tích cho bị cáo Nguyễn Hoàng T2 vào ngày 04/4/2021 và việc Trần Quốc Đ3 cùng đồng bọn tham gia đánh nhau với nhóm của bị cáo Bùi Đình N vào sáng ngày 04/5/2021. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã tách ra tiếp tục làm rõ xử lý sau.

[8] Về tổng hợp hình phạt: Bản án số: 409/2020/HSST ngày 06/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ xử phạt bị cáo Lê Đào Trường D1 12 (mười hai) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án về tội "Cố ý gây thương tích" đã có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự để tổng hợp với hình phạt của tội đang bị xét xử.

[9] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án các bị cáo mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[10] Lời bào chữa của Luật sư bào chữa cho các bị cáo Bùi Đình N, Nguyễn Hoàng T2, Nguyễn Thành Đ2 chỉ phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử về tình tiết giảm nhẹ nên chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Bùi Đình N, Nguyễn Ngọc Qu, Nguyễn Trọng B1, Đỗ Minh Ch, Nguyễn Thành Đ2, Nguyễn Hoàng T2, Nguyễn Thanh T, Lê Đào Trường D1, Nguyễn Thành Tr1, Võ Hoàng D phạm tội "Cố ý gây thương tích".

Áp dụng khoản 6 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58, Điều 91, Điều 100 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Bùi Đình N 01 (một) năm cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Bùi Đình N cho Ủy ban nhân dân phường Tân Phong, thành phố B, tỉnh Đ để giám sát và giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Áp dụng khoản 6 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Võ Hoàng D 06 (sáu) tháng 26 (hai mươi sáu) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày từ ngày 14/10/2021.

Áp dụng khoản 5 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên bố trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Võ Hoàng D, nếu không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Áp dụng khoản 6 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58, Điều 91, Điều 100 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng B1 08 (tám) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Trọng B1 cho Ủy ban nhân dân phường Bửu Long, thành phố B, tỉnh Đ để giám sát và giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Áp dụng khoản 6 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58, Điều 91, Điều 100 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T 08 (tám) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao

giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Thanh T cho Ủy ban nhân dân phường Tân Vạn, thành phố B, tỉnh Đ để giám sát và giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Áp dụng khoản 6 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 36; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Qu 10 (mười) tháng cải tạo không giam giữ, nhưng trừ vào thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam là 30 (ba mươi) ngày (từ ngày 05/5/2021 đến ngày 14/5/2021), cứ 01 (một) ngày tạm giữ bằng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ còn lại của bị cáo phải chấp hành là 09 (chín) tháng tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Ngọc Qu cho Ủy ban nhân dân phường Bửu Hòa, thành phố B, tỉnh Đ để giám sát và giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Áp dụng khoản 6 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 91, Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Đào Trường D1 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/6/2021 đến ngày 05/8/2021.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tổng hợp hình phạt 01 (một) năm tù về tội "Gây rối trật tự công cộng" theo Bản án số: 409/2020/HSST ngày 06/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ. Buộc bị cáo Lê Đào Trường D1 phải chấp hành hình phạt chung của nhiều bản án là 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án phạt tù (được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/02/2020 đến ngày 17/02/2020) về tội "Gây rối trật tự công cộng" theo Bản án số: 409/2020/HSST ngày 06/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ và (trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/6/2021 đến ngày 05/8/2021).

Áp dụng khoản 6 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58, Điều 91, Điều 100 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng T2 04 (bốn) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Hoàng T2 cho Ủy ban nhân dân phường Tân Phong, thành phố B, tỉnh Đ để giám sát và giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Xử phạt bị cáo Đỗ Minh Ch 06 (sáu) tháng tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Đỗ Minh Ch cho Ủy ban nhân dân phường Bửu Long, thành phố B, tỉnh Đ để giám sát và giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành Đ2 04 (bốn) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Thành Đ2 cho Ủy ban nhân dân phường An Bình, thành phố B, tỉnh Đ để giám sát và giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Áp dụng khoản 6 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 91, Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành Tr1 06 (sáu) tháng 23 (hai mươi ba) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/10/2021.

Áp dụng khoản 5 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên bố trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Nguyễn Thành Tr1, nếu không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

+ Tịch thu tiêu hủy: 02 (Hai) cây giáo phóng lợn (lưỡi dao bầu dài khoảng 25cm, gắn cán bằng ống tuýp dài 220cm); 01 (Một) dao tự chế bằng kim loại dài 90cm; 01 (Một) cây kiếm dài 85cm, cán cuốn dây vải màu đen; 01 (Một) cây kiếm dài 90cm cán cuốn dây vải màu trắng; 01 (một) dao tự chế dài khoảng 1,3m; 01 (Một) dao tự chế dài 1,5m.

+ Trả lại 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 (IMEI: 352091078093914) trầy xước cho bị cáo Nguyễn Thành Tr1 do không liên quan đến hành vi phạm tội.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 22/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đ).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án các bị cáo mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo; người bào chữa cho các bị cáo Bùi Đình N, Nguyễn Hoàng T2, Nguyễn Thành Đ2 được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người đại diện hợp pháp của các bị cáo Bùi Đình N, Nguyễn Hoàng T2, Nguyễn Thành Đ2 được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật

Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Đ (1);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đ (1);
- Viện kiểm sát nhân dân TP. B (2);
- THA Dân sự (1);
- Nhà tạm giữ Công an TP. B (1);
- Thi hành án hình sự (6);
- UBND phường Tân Phong (1);
- UBND phường Bửu Long (1);
- UBND phường Tân Vạn (1);
- UBND phường Bửu Hòa (1);
- UBND phường An Bình (1);
- Bị cáo (10);
- Người bào chữa cho bị cáo (1);
- Người đại diện hợp pháp bị cáo (4);
- Lưu (5).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Kim Dung